BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG KHOA AN TOÀN THÔNG TIN



MÔN HỌC: THỰC TẬP CƠ SỞ BÁO CÁO BÀI THỰC HÀNH SỐ 6

Giảng viên hướng dẫn : PGS.TS Hoàng Xuân Dậu

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Nhật Minh

Mã sinh viên : B21DCAT132

Hà Nội, tháng 2 năm 2024

Môn học: INT13147 - Thực tập cơ sở

Bài thực hành số 6 - Cài đặt cấu hình HIDS/NIDS

1. Mục đích

- Luyện tập việc cài đặt và vận hành các hệ thống phát hiện xâm nhập cho host (HIDS) và cho mạng (NIDS).
- Luyện tập việc tạo và chỉnh sửa các luật phát hiện tấn công, xâm nhập cho các hệ thống phát hiện xâm nhập thông dụng.

2. Nội dung thực hành

2.1 Tìm hiểu lý thuyết

Hệ thống phát hiện xâm nhập là gì?

Hệ thống phát hiện xâm nhập – IDS (Intrusion Detection Systems) là phần mềm hoặc công cụ bảo mật hệ thống và cảnh báo lỗi khi có các hành vi đáng ngờ xâm nhập vào hệ thống. Mục đích chính của IDS là ngăn ngừa và phát hiện những hành động phá hoại tính bảo mật của hệ thống hoặc những hành vi như dò tìm, quét các cổng

Một hệ thống IDS cần thỏa mãn: tính chính xác, hiệu năng, tính trọn vẹn, chịu lỗi, khả năng mở rộng

Có 2 loai IDS: Network based IDS và Host based IDS

NIDS: Hệ thống IDS dựa trên mạng sẽ kiểm tra các giao tiếp trên mạng với thời gian thực (real-time). Nó kiểm tra các giao tiếp, quét header của các gói tin, và có thể kiểm tra nội dung của các gói đó để phát hiện ra các đoạn mã nguy hiểm hay các dạng tấn công khác nhau. Một Network-Based IDS hoạt động tin cậy trong việc kiểm tra, phát hiện các dạng tấn công trên mạng, ví dụ như dựa vào băng thông (bandwidth-based) của tấn công Denied of Service (DoS).

HIDS: Bằng cách cài đặt một phần mềm trên máy chủ, IDS dựa trên máy chủ quan sát tất cả những hoạt động về hệ thống và các file log, lưu lượng mạng thu thập. Hệ thống dựa trên máy chủ cũng theo dói OS, những cuộc gọi hệ thống, lịch sử và những thông điệp báo lỗi trên hệ thống máy chủ. HIDS thường được cài đặt trên một máy tính nhất định thay vì giám sát hoạt động của một network, HIDS chỉ giám sát các hoạt động trên một máy tính. HIDS thường được đặt trên các host quan trọng và các server trong vùng DMS. Nhiệm vụ của HIDS là theo dõi các thay đổi trên hệ thống

Những loại tấn công thường gặp và IDS tương ứng

Tấn công DoS: NIDS có thể phát hiện được các cuộc tấn cong dạng gói tin

Quét và thăm dò: NIDS có thể phát hiện các hành động nguy hiểm trước khi chúng xảy ra. HIDS cũng có tác dụng đối với kiển tấn công này

Passwork attack: một NIDS có thể phát hiện và ngăn chặn cố gắng đoán mật khẩu, nhưng nó không hiệu quả trong việc phát hiện truy cập trái phép file bị mã hóa. Trong khi đó HIDS lại thể hiện hiệu quả trong việc phát hiên đoán mật khẩu cũng như truy cập trái phép

Privilege-grabbing: cả NIDS và HIDS đều có thể xác định được việc thay đổi đặc quyền trái phép

Hostile code insertion: Không có loại IDS nào chống việc phá hoại từ virus hay trojan. Cách tốt nhất là cài phần mềm diệt virus

Cyber vandalism: sử dụng HIDS trong trường hợp này là hoàn toàn phù hợp. Với NIDS có thể sử dụng dấu hiệu tấn công được định nghĩa trước để phát hiện chính xác việc truy cập trái phép vào hệ điều hành

Security infrastructure attack: HIDS có thể bắt giữ các cuộc đăng nhập mà thực hiện những hành động như trên

Về phần mềm snort

Snort là phần mềm IDS được phát triển bởi Martin Roesh dưới dạng mã nguồn mở. Snort ban đầu được xây dựng trên nền Unix nhưng sau đó phát triển sang các nền tảng khác. Snort được đánh giá rất cao về khả năng phát hiện xâm nhập. Tuy snort miễn phí nhưng nó lại có rất nhiều tính năng tuyệt vời. Với kiến trúc kiểu module, người dùng có thể tự tăng cường tính năng cho hệ thống Snort của mình. Snort có thể chạy trên nhiều hệ thống như Windows, Linux, OpenBSD, FreeBSD, Solaris ...

Bên cạnh việc có thể hoạt động như một ứng dụng bắt gói tin thông thường, Snort còn được cấu hình để chạy như một NIDS.

Snort bao gồm nhiều thành phần, mỗi phần có một chức năng riêng biệt:

Module giải mã gói tin

Module tiền xử lý

Module phát hiện

Module log và cảnh báo

Module kết xuất thông tin

Về bộ luật của snort có cấu trúc luật dạng: rule header | rule option

Phần Header: chứa thông tin về hành động mà luật đó sẽ thực hiện khi phát hiện ra có xâm nhập nằm trong gói tin và nó cũng chứa tiểu chuẩn để áp dung luật với gói tin đó.

Phần Option: chứa thông điệp cảnh báo và các thông tin về các phần của gói tin dùng để tạo nên cảnh báo. Phần Option chứa các tiêu chuẩn phụ thêm để đối sánh với gói tin.

2.2 Chuẩn bị môi trường

- 01 máy tính (máy thật hoặc máy ảo) chạy Linux với RAM tối thiểu 2GB, 10GB đĩa cứng có kết nối mạng (LAN hoặc Internet).
- 01 máy tính (máy thật hoặc máy ảo) chạy Kali Linux (bản 2021 trở lên)
- Bộ phần mềm Snort tải tại https://www.snort.org/downloads

2.3 Các bước thực hiện

- Bước 1: Chuẩn bị các máy tính như mô tả trong mục 2.2. Máy Kali Linux được đổi tên thành <Mã SV-Tên SV>-Kali và máy cài Snort thành <Mã SV-Tên SV>-Snort. Các máy có địa chỉ IP và kết nối mạng LAN.
- Bước 2: Tải, cài đặt Snort và chạy thử Snort. Kiểm tra log của Snort để đảm bảo Snort hoạt đông bình thường.
 - Bước 3: Tạo các luật Snort để phát hiện 3 dạng rà quét, tấn công hệ thống:
 - + Phát hiện các gói tin ping từ bất kỳ một máy nào gửi đến máy chạy Snort. Hiển thị thông

điệp khi phát hiện: "<Mã SV-Tên SV>-Snort phát hiện có các gói Ping gửi đến."

Phát hiện các gói tin rà quét từ bất kỳ một máy nào gửi đến máy chạy Snort trên cổng

- 80. Hiển thị thông điệp khi phát hiện: "<Mã SV-Tên SV>-Snort phát hiện có các gói tin rà quét trên cổng 80."
- + Phát hiện tấn công TCP SYN Flood từ bất kỳ một máy nào gửi đến máy chạy Snort. Hiển thị thông điệp khi phát hiện: "<Mã SV-Tên SV>-Snort phát hiện đang bị tấn công TCP SYN Flood."
- Bước 4: thực thi tấn công và phát hiện sử dụng Snort
 - + Từ máy Kali, sử dụng lệnh ping để ping máy Snort. Trên máy Snort kiểm tra kết quả phát hiện trên giao diện terminal hoặc log của Snort.

Từ máy Kali, sử dụng công cụ nmap để rà quét máy Snort (dùng lệnh: nmap -sV -p80 - A <địa chỉ IP máy Snort>). Trên máy Snort kiểm tra kết quả phát hiện trên giao diện terminal hoặc log của Snort.

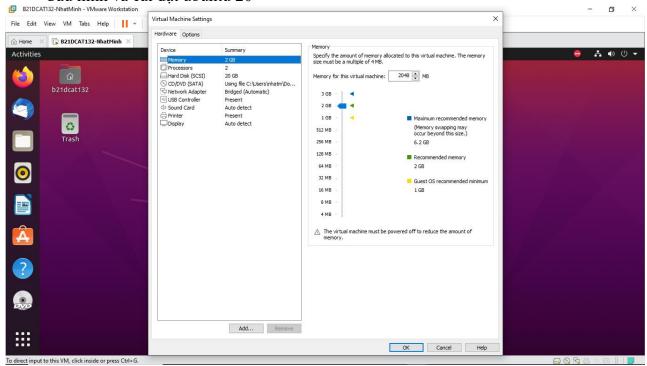
+ Từ máy Kali, sử dụng công cụ hping3 để tấn công TCP SYN Flood máy Snort (dùng lệnh: hping3 -c 15000 -d 120 -S -w 64 -p 80 --flood --rand-source <địa chỉ IP máy Snort>). Trên máy Snort kiểm tra kết quả phát hiện trên giao diện terminal hoặc log của Snort.

2.4 Kết quả cần đạt

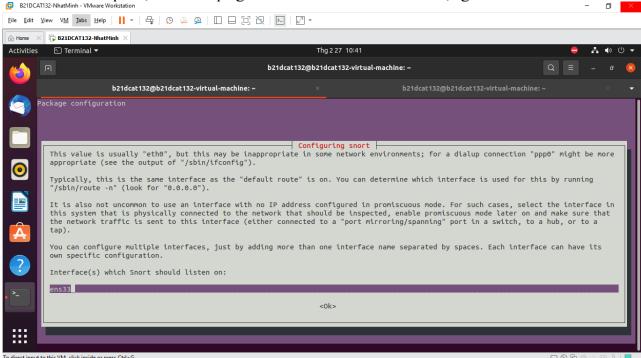
- Hệ thống phát hiện xâm nhập Snort hoạt động ổn định.
- Các luật mới được tạo và lưu vào trong file luật của Snort.
- Snort phát hiện thành công các rà quét tấn công kể trên (hiển thị trên giao diện terminal hoặc log của Snort).

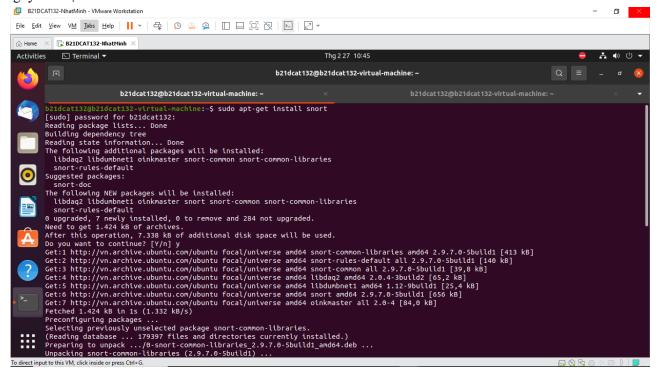
3. Thực hành

- Cấu hình và cài đặt ubuntu 20

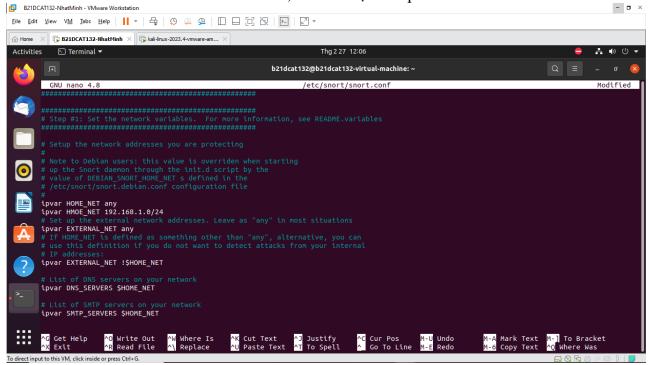


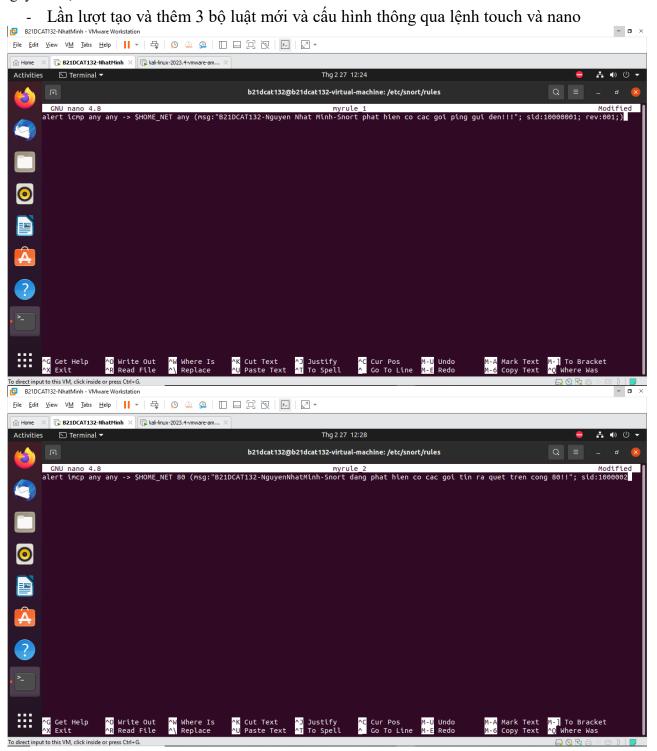
- Tải snort qua lệnh sudo apt-get install snort và cấu hình mạng

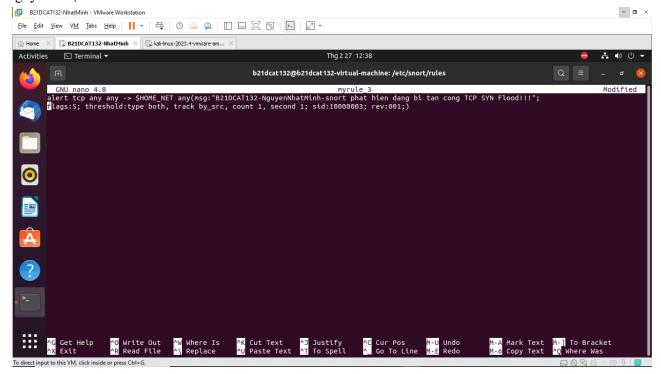




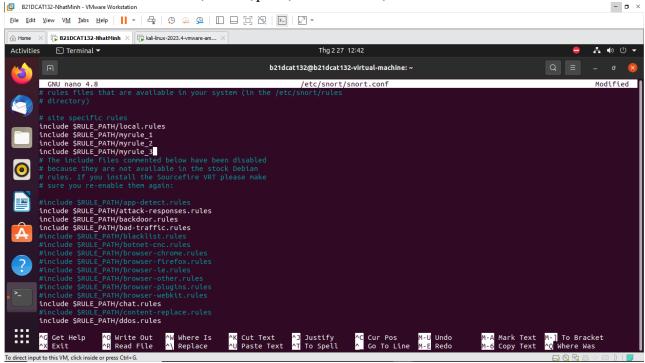
Chỉnh sửa file /etc/snort/snort.conf, ta thêm địa chỉ ip của ubuntu

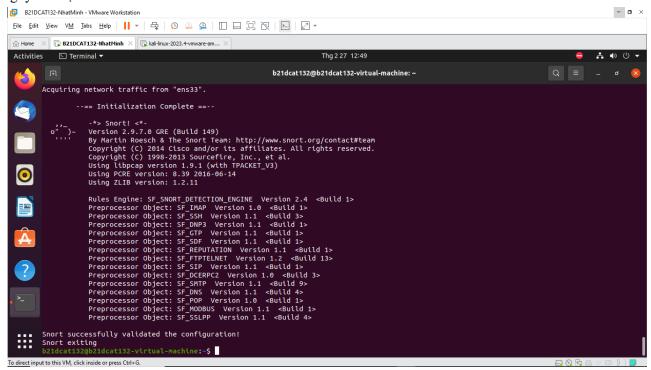




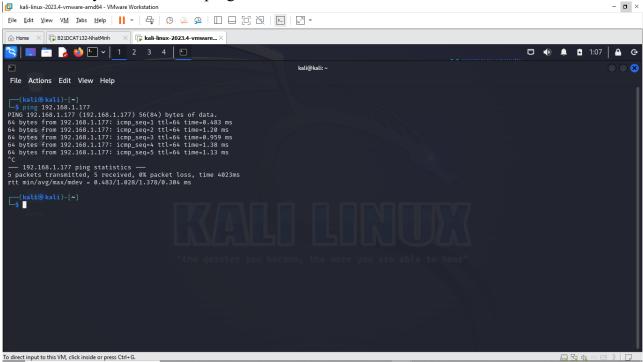


- Thêm 3 rule mới vừa tạo và cập nhật để snort nhận rules mới

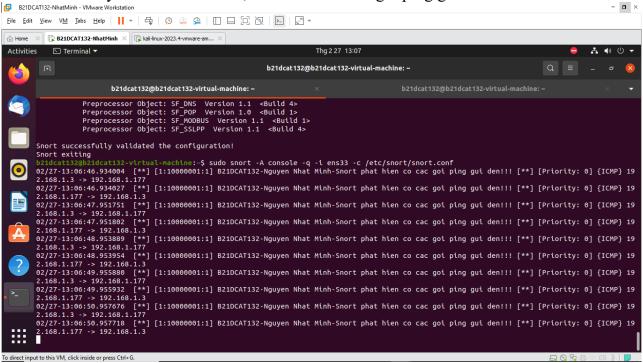




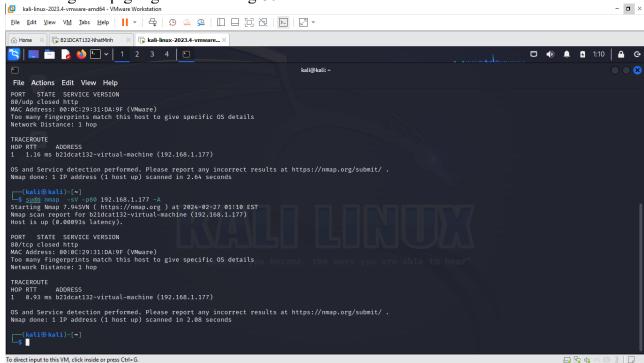
Trên máy kali tiến hành ping tới ubuntu



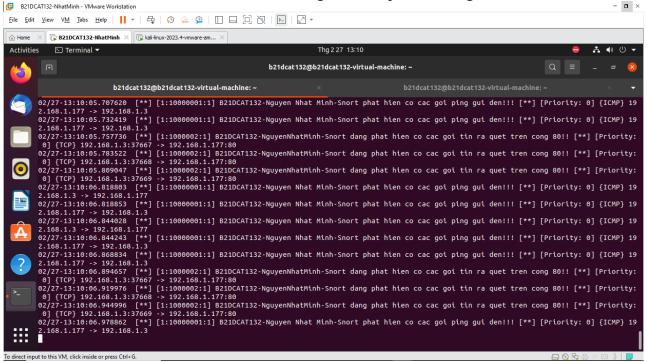
- Trên máy ubuntu đã xuất hiện cảnh báo có các gói ping gửi tới



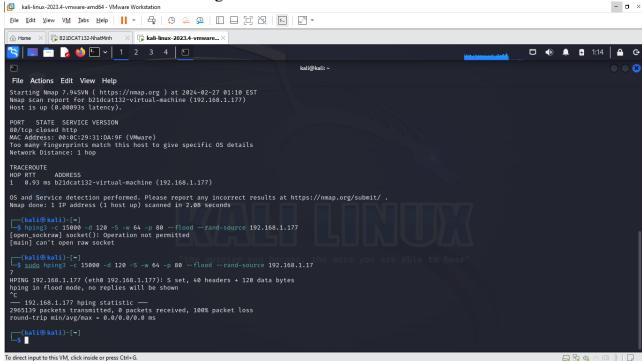
Dùng nmap gửi gói tin tới cổng 80



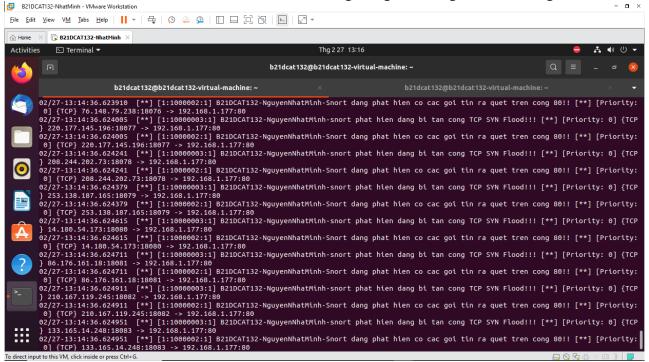
Trên ubuntu đã xuất hiện cảnh báo có gói tin rà quét tới cổng 80



Trên kali tiến hành tấn công TCP SYN Flood



- Trên ubuntu xuất hiện cảnh báo bị tấn công đồng thời có gói tin tới cổng 80



4. Kết luận

Bài thực hành hoàn thành vào thứ 3 ngày 27 tháng 2

